

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÔNG CỐNG
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 27/7/2017

V/v Tranh chấp Ly hôn và nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG - TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tình

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Lê Minh Trí

- Bà Lê Thị Xuân

Thư ký phiên Tòa: Ông Đỗ Hùng Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nông Cống

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống tham gia phiên tòa: Ông Lê Đức Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 117/2016/TLST-HNGĐ ngày 25/7/2016 về việc Tranh chấp Ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1973 (có mặt)

Bị đơn: Anh Lê Đình T, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Cùng cư trú: Thôn X, xã P, huyện N, tỉnh H

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện chị Sáu nộp ngày 25/7/2016 và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị S trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh T xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, tổ chức cưới có đăng ký kết tại UBND. xã T ngày 20/10/1999. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc. Năm 2002 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân: Do anh T thường xuyên rượu chè dẫn đến say, không làm chủ được bản thân nên đã thường xuyên chửi bới, đánh đuổi vợ con ra khỏi nhà. Sự việc trên đã được chính

quyền địa phương cũng như 2 bên gia đình Nội - Ngoại hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Tháng 10/2010 anh T vào Nam làm ăn. Trong thời gia xa nhau, chị và anh T không liên lạc với nhau. Tháng 5/2016 anh T trở về nhà, tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện mà có chiều hướng xấu đi. Tháng 7/2016 chị và anh T sống ly thân và chấm dứt quan hệ sinh lý. Hiện chị không có thai với anh T. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 2 con chung là Lê Thị Minh C, sinh ngày 15/8/2000 và Lê Anh T1, sinh ngày 22/5/2008, hiện 2 cháu đang ở với chị, các cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường. Nguyên vọng của chị xin được nuôi 2 con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Về tài sản, công nợ và quyền sử dụng đất chung: Chị Sáu không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai ngày 17/5/2017 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê Đình T tự khai như sau:

Về hôn nhân: Thời điểm đăng ký kết hôn, anh thống nhất như chị S đã trình bày. Thời điểm và nguyên nhân mâu thuẫn, anh trình bày như sau: Sau khi cưới vợ chồng chung sống bình thường. Mâu thuẫn trầm trọng vào tháng 6/2016. Nguyên nhân: Trước đây anh là cán bộ UBND. xã Trung Ý, do mặc cảm về bản thân nên anh đã viết đơn xin nghỉ việc để đi làm ăn. Quá trình đi làm gặp nhiều chuyện không theo ý muốn dẫn đến anh thường xuyên rượu chè đến mức không làm chủ được bản thân, nhiều lần chửi bới đánh đuổi vợ con nhưng anh cũng không hề biết. Trong năm 2016 chị Sáu đã đưa con về ngoại ở, không ai quan tâm đến ai. Vợ chồng sống ly thân và chấm dứt quan hệ sinh lý từ đó. Hiện chị Sáu không có thai. Nguyên vọng của anh xin được đoàn tụ.

Về con chung: Anh thống nhất như chị S đã trình bày. Quan điểm của anh nếu phải ly hôn, anh thống nhất giao 2 con cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ và quyền sử dụng đất chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký và đương sự đúng theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, anh T đã được triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, vậy đề nghị HĐXX xử vắng mặt anh Thanh theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS).

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị S, giao cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng 2 con, không buộc anh T cấp dưỡng. Chị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (sau đây viết tắt là DSST).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Nông Công nhận định:

{1} Về tố tụng: Anh T đã được triệu tập hợp lệ lần 2 mà vẫn vắng mặt; vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt anh theo khoản 3 Điều 228 là BLTTDS).

{2} Về nội dung:

- Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị S và anh Lê Đình T có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T thường xuyên rượu chè, dẫn đến say không làm chủ được bản thân. Đã nhiều lần anh đánh đập, đuổi chị và các con ra khỏi nhà. Anh và chị sống ly thân và chấm dứt quan hệ sinh lý đã 1 năm nay không ai quan tâm đến ai. Hiện chị S không có thai. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị Sáu và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung đã chấm dứt; mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hòa thuận hạnh phúc không đạt được. Nay chị S xin được ly hôn anh T. Về phía anh T xin được đoàn tụ nhưng anh không có phương án để giải quyết mâu thuẫn mà vẫn thường xuyên trong tình trạng say rượu, bỏ bê công việc gia đình, không quan tâm đến vợ con dẫn đến mâu thuẫn càng trở nên trầm trọng. Việc xin đoàn tụ của anh là không có cơ sở. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị S là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

- Về con chung: Chị S và anh T có 2 con chung Lê Thị Minh C và Lê Anh T1, hiện 2 cháu đang ở với chị S. Ly hôn chị S xin nuôi cả 2 con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Cháu C và cháu T1 cũng xin được ở với mẹ. Về phía anh T đồng ý giao 2 con cho chị S nuôi dưỡng. HĐXX xét thấy yêu cầu của 2 bên là phù hợp và cũng phù hợp với nguyện vọng của 2 cháu nên chấp nhận.

- Về tài sản, công nợ và quyền sử dụng đất chung: Chị S, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xét.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị S khởi kiện vụ án ly hôn nên chị phải chịu án phí Ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83; khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 8 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Mục 1 phần I Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo pháp lệnh.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị S được ly anh Lê Đình T.

Về con chung: Giao cho chị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng Lê Thị Minh C, sinh ngày 15/8/2000 và Lê Anh T1, sinh ngày 22/5/2008 đến khi thành niên và có khả năng lao động. Hai bên không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị S phải nộp 200.000đ án phí DSST nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống theo biên lai thu số AA/2011/00461 ngày 25/7/2016, chấp nhận chị S đã nộp đủ.

Về quyền kháng cáo: Chị S được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T1 được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Nông Cống;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Cơ quan THADS huyện Nông Cống;
- UBND xã X;
- Lưu: Văn thư, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Nguyễn Văn Tình